|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: |  |

**§ 1: QUAN HỆ CHIA HẾT. TÍNH CHẤT CHIA HẾT.**

**Thời gian thực hiện: 4 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

- Khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết: chia hết cho, ước và bội.

- Tìm bội ước của 1 số cho trước.

- Tính chất chia hết của 1 tổng, một hiệu, một tích và vận dụng trong các bài toán thực tế đơn giản.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết , ước bội, biết dùng các kí hiệu chia hết không chia hết, tính chất chia hết của 1 tổng một hiệu, một tích vận dụng trong các bài toán thực tế đơn giản.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành khái niệm khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết , ước bội, tính chất chia hết của 1 tổng một hiệu, một tích vận dụng trong các bài toán thực tế đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1: QUAN HỆ CHIA HẾT**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Trò chơi tính nhanh.

**a) Mục tiêu :**

- HS bước đầu hình thành khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết trong bài toán thực tế, và các phép chia.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu:

- Thực hiện các phép tính chia hết và không chia hết.

- Lớp 6A có 6 tổ học sinh. Để tổ chức liên hoan cho lớp, cô Ngân đã mua 42 chiếc bánh ngọt và 45 quả quýt.

Cô Ngân có thể chia đều số bánh ngọt cho 6 tổ được không?

Cô Ngân có thể chia được đều số quả quýt cho 6 tổ được không?

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS được viết vào vở ( các phép chia và phép chia hết)

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 2:- 1 nhóm lấy VD về phép chia.- Nhóm còn lại thực hiện phép chia.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- Lấy các ví dụ về phép chia và thực hiện phép chia.- Thảo luận nhóm viết các kết quả.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV các nhóm lấy VD về phép chia nhanh nhất đổi VD cho nhau 2 nhóm tiếp tục thảo luận để thực hiện phép chia.- HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định:** - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án. GV: Cho hs trả lời câu hỏi ở SGK- GV đặt vấn đề vào bài mới: Trong các phép chia ở trò chơi phép chia nào là phép chia hết phép chia nào là phép chia không hết?  | **VD:** Nhóm 1Kết quả: Nhóm 2**VD:** Nhóm 2Kết quả: Nhóm 1 |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (khoảng 40 phút)

**Hoạt động 2.1: Khái niệm chia hết** (khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được Hình thành khái niệm chia hết. Tìm được bội ước của 1 số.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu đọc SGK phần 1), hiểu được các khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết: chia hết cho, ước và bội.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, ví dụ 2, Luyện tập 1,(SGK trang 30), làm bài tập 1 phần vận dụng (SGK trang 34)

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- GV Thực hiện HĐ 1 SGK trang 30Thực hiện phép chia  và Trong phép chia trên phép chia nào là phép chia hết phép chia nào là phép chia có dư? nên 42 chia hết cho 6Do 45 chia cho 6 dư 3 nên 45 không chia hết cho 6- Yêu cầu học sinh đọc khái niệm trong SGK.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS lắng nghe và quan sát GV nêu khái niệm phép chia hết phép chia có dư.- Kí hiệu của phép chia hết và phép chia có dư.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- Sử dụng kí hiệu chia hết và không chia hết cho các phép chia.- HS cả lớp quan sát, nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV giới thiệu khái niệm phân số như SGK trang 30, yêu cầu vài HS đọc lại.- GV nêu chú ý trong SGK trang 30 | **1. Khái niệm về chia hết****a) HĐ 1**42 chia hết cho 6 45 chia hết cho 6 **b) Khái niệm.**Cho hai số tự nhiên a và b (b 0).Nếu có 1 số tự nhiên q sao cho  thì ta nói a chia hết cho b.Khi a chia hết cho b, ta nói a là bội của b và b là ước của a**c) Chú ý**+ Nếu số dư trong phép chia a cho b bằng 0 thì a chia hết cho b, kí hiệu là  .+ Nếu số dư trong phép chia a cho b khác 0 thì a không chia hết cho b, kí hiệu là   |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1, 2 SGK trang 30, 31.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 1,SGK trang 30.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.- 1 vài HS đứng tại chỗ trả lời VD 2.**\* Hướng dẫn hỗ trợ:** Để kiểm tra số tự nhiên a có chia hết cho số tự nhiên b hay không căn cứ vào số dư của phép chia a cho b.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 1,2 của 1 số bạn.- Kết quả luyện tập 1 của 1 số nhóm.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua luyện tập 1 GV giới thiệu cách kiểm tra số a có chia hết cho b hay không.GV đặt câu hỏi nếu câu trả lời HS không giống SGK “0 và 7 có là bội của 7 không?” và “ 1 và 12 có là ước của 12 không” | **d) Áp dụng****Ví dụ 1 (SGK trang 30)**Do  nên  Do (dư 2) nên .Do  nên Do  nên **Ví dụ 2 (SGK trang 31)**a) Hs tự lấy vdb) Hs tự lấy vd **Luyện tập 1 (SGK trang 30)**HS tự làm theo ngày tháng của mình.**e) Lưu ý:**Với a là số tự nhiên khác 0 thì:* a là ước của a.
* a là bội của a
* 0 là bội của a.
* 1 là ước của a.
 |

**Hoạt động 2.2: Cách tìm bội của 1 số.** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs tìm được bội của 1 số

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ 2 SGK trang 31 từ đó dự đoán cách tìm bội của 1 số.

- Ví dụ 3, luyện tập 2 SGK trang 31, bài tập 1 phần vận dụng SGK trang 34.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Cách tìm bội của 1 số.

- Lời giải VD3, luyện tập 2 SGK trang 31, bài tập 1 phần vận dụng SGK trang 34

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ2 trong SGK trang 31- Dự đoán và phát biểu cách tìm bội của 1 số tự nhiên khác 0.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm 2 người.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ2.- GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu cách tìm bội của 1 số.- HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2, chuẩn hóa cách tìm bội của 1 số. | **2. Cách tìm bội và ước của 1 số** **2.1) Cách tìm bội của 1 số:** **2.1.1) Hoạt động 2:** 1.

b) 7 bội của 9 là  **2.1.2) Ghi nhớ:** Để tìm các bội của n ta có thể lần lượt nhân n với  Khi đó, các kết quả nhận được đề là bội của n. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 3 SGK trang 31.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 2,SGK trang 31 và bài tập 1 SGK trang 34.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Hướng dẫn hỗ trợ:** - LT 2 câu a hs nhân lần lượt 8 với  đến khi nào kết quả vượt quá 30 thì dừng lại.- LT 2 câu b HS nhân lần lượt từ  đến khi nào kết quả quá 100 thì dừng lại.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 3.- Kết quả luyện tập 2 và bài tập 1.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua luyện tập 2 và bài tập 1 GV củng cố kĩ năng tìm bội của 1 số | **2.1.3) Áp dụng:****VD 3**Ta có thể lần lượt nhân 6 với  để được 8 bội của 6 là  **Luyện tập 2:**a) Bội nhỏ hơn 30 của 8 là  b) Bội có 2 chữ số của 11 là  **Bài 1/ trang 34/ SGK**a) Bội của 15 là:  b) Bội của 30 là:  c) Bội của 100 là:   |

**Hoạt động 2.3: Cách tìm ước của 1 số.** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs tìm được ước của 1 số

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ 3 SGK trang 31 từ đó dự đoán cách tìm ước của 1 số.

- Ví dụ 4, luyện tập 3 SGK trang 32, bài tập 2 phần vận dụng trang 34

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Cách tìm ước của 1 số.

- Lời giải VD4, luyện tập 3 SGK trang 32, bài tập 2 phần vận dụng SGK trang 34

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ3 trong SGK trang 31- Dự đoán và phát biểu cách tìm ước của 1 số tự nhiên khác 0.**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo 4 nhóm.**\* Báo cáo, thảo luận:**- GV lấy kết quả của 2 nhóm có lời giả nhanh nhất. Nhóm khác nhận xét.- GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán và phát biểu cách tìm ước của 1 số.**\* Kết luận, nhận định:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3, chuẩn hóa cách tìm ước của 1 số. | **2. Cách tìm bội và ước của 1 số** **2.2) Cách tìm ước của 1 số:** **2.2.1) Hoạt động 3:** 1.

  (dư 2)    (dư 3)   (dư 2)  (dư 1)  b) Ước của 8 là: 1; 2; 4; 8.**2.2.2) Ghi nhớ:** Để tìm các ước của số tự nhiên n lớn hơn 1, ta có thể chia n cho các số tự nhiên từ 1 đến n. Khi đó, các phép chia hết cho ta số chia là ước của n. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 4 SGK trang 32.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 3,SGK trang 32 và bài tập 2 SGK trang 34.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 4.- Kết quả luyện tập 3 và bài tập 2.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua luyện tập 2 và bài tập 1 GV củng cố kĩ năng tìm ước của 1 số | **2.2.3) Áp dụng:****VD 4**Thực hiện phép chia số 10 lần lượt cho các số tự nhiên từ 1 đến 10. Các phép chia hết là: Vì vậy các ước của 10 là  **Luyện tập 3:**Các ước của 25 là:  **Bài 1/ trang 34/ SGK**a) Ước của 13 là:  b) Ước của 20 là:  c) Ước của 26 là:   |

**Tiết 2 TÍNH CHẤT CHIA HẾT**

**Hoạt động 2.4: Tính chất chia hết của 1 tổng.** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được tính chất chia hết của 1 tổng và vận dụng được vào các bài toán thực tế đơn giản.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ 4 SGK trang 32 từ đó phát biểu các tính chất chia hết của 1 tổng.

- Vận dụng làm ví dụ 5 SGK trang 32, luyện tập 4, bài tập 5 trong phần vận dụng.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Tính chất chia hết của 1 tổng.

- Lời giải ví dụ 5 SGK trang 32, luyện tập 4,bài tập 5 trong phần vận dụng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ 4 trong SGK trang 32- Nếu a,b cùng chia hết cho m thì tổng  có chia hết cho m không.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện theo 4 nhóm**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- 2 nhóm nhanh nhất lên điền vào bảng nhóm các nhóm khác nhận xét.- 1 hs trả lời câu hỏi của Gv hs khác nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ4 từ đó đưa ra tính chất: Nếu a; b cùng chia hết cho m thì tổng a+b cũng chia hết cho m | **1. Tính chất chia hết của 1 tổng.****a) HĐ 4:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| m |   |   |  |
| 5 | 95 | 55 |   |
| 6 |  |  |  |
| 9 |  |  |  |

**b) Tính chất:**Nếu tất cả các số hạng của 1 tổng đều chia hết cho cùng 1 số thì tổng đó chia hết cho số đó.**c) Chú ý:**Nếu  và  thì .Khi đó ta có: . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 5 SGK trang 32.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 4,SGK trang 32 và bài tập 5 SGK trang 34.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Hướng dẫn hỗ trợ:** - Kiểm tra từng số hạng trong phép cộng có chia hết số đã cho hay không rồi dùng tính chất chia hết của 1 tổng để kết luận.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 5.- Kết quả luyện tập 4 và bài tập 5.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua luyện tập 4 và bài 5 HS được củng cố kiến thức chia hết của 1 tổng. | **d) Áp dụng:****VD 5:** a) Các số  đều chia hết cho 4 nên A chia hết cho 4.b) Các số  đều chia hết cho 7 nên B chia hết cho 7.**Luyện tập 4:**Các số  đều chia hết cho 5 nên A chia hết cho 5**Bài tập 5/SGK/trang 34.**1. D
2. D
 |

**Hoạt động 2.5: Tính chất chia hết của 1 hiệu.** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được tính chất chia hết của 1 hiệu và vận dụng được vào các bài toán thực tế đơn giản

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ 5 SGK trang 32 từ đó phát biểu các tính chất chia hết của 1 hiệu.

- Vận dụng làm ví dụ 6 SGK trang 33, luyện tập 5.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Tính chất chia hết của 1 hiệu.

- Lời giải ví dụ 6 SGK trang 33, luyện tập 5.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ 5 trong SGK trang 32- Nếu a, b cùng chia hết cho m thì hiệu  có chia hết cho m không.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện theo nhóm 2 người**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV gọi 2 HS lên điền vào bảng các HS khác nhận xét.- 1 hs trả lời câu hỏi của Gv hs khác nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ 5 từ đó đưa ra tính chất: Nếu a,b cùng chia hết cho m thì tổng a-b cũng chia hết cho m | **1. Tính chất chia hết của 1 hiệu.****a) HĐ 5:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| m |   |  |  |
| 7 | 49 | 21 |   |
| 8 |  |  |  |
| 11 |  |  |  |

**b) Tính chất:**Nếu số bị trừ và số trừ đều chua hết cho cùng 1 số thì hiệu chia hết cho số đó.**c) Chú ý:** Với .Nếu am và bm thì .Khi đó ta có: . |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 6 SGK trang 33.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 5,SGK trang 33.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Hướng dẫn hỗ trợ:** - Kiểm tra số bị trừ và số trừ trong phép trừ có chia hết số đã cho hay không rồi dùng tính chất chia hết của 1 hiệu để kết luận.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 6.- Kết quả luyện tập 5.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua luyện tập 5 HS được củng cố kiến thức chia hết của 1 hiệu. | **d) Áp dụng:****VD 6:** a) Các số 4000 và 36 đều chia hết cho 4 nên A chia hết cho 4.b) Các số 70000 và 56 đều chia hết cho 7 nên B chia hết cho 7.**Luyện tập 5:**Các số 2020 và 1820 đều chia hết cho 20 nên A chia hết cho 20 |

**Hoạt động 2.6: Tính chất chia hết của 1 tích.** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được tính chất chia hết của 1 tích và vận dụng được vào các bài toán thực tế đơn giản

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ 6 SGK trang 33 từ đó phát biểu các tính chất chia hết của 1 tích.

- Vận dụng làm ví dụ 7 SGK trang 33, luyện tập 6.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Tính chất chia hết của 1 tích.

- Lời giải ví dụ 7 SGK trang 33, luyện tập 6.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**- Thực hiện HĐ 6 trong SGK trang 33- Nếu a chia hết cho m thì tích  có chia hết cho m không.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện theo 4 nhóm**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- 2 nhóm nhanh nhất lên điền vào bảng nhóm các nhóm khác nhận xét.- 1 hs trả lời câu hỏi của Gv hs khác nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV chính xác hóa kết quả của HĐ 6 từ đó đưa ra tính chất: Nếu a chia hết cho m thì tích a.b chia hết cho m. | **1. Tính chất chia hết của 1 tổng.****a) HĐ 6:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| m |   | b tùy ý |   |
| 9 | 36 | 2 |   |
| 10 |  |  |  |
| 15 |  |  |  |

**b) Tính chất:**Nếu 1 thừa số của 1 tích chia hết cho 1 số thì tích chia hết cho số đó.**c) Chú ý:** Nếu  thì với mọi số tự nhiên b. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 7 SGK trang 33.- Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập 6,SGK trang 33.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.**\* Hướng dẫn hỗ trợ:** - Kiểm tra 1 thừa số trong tích có chia hết cho số đã cho hay không rồi dùng tích chất chia hết của 1 tích để kết luận.- Đầu tiên, HS sử dụng tính chất chia hết của 1 tích để kiểm tra, sau đó sử dụng tính chất chia hết của 1 tổng 1 hiệu để kết luận.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- Lời giải ví dụ 7.- Kết quả luyện tập 6.- HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.- Qua luyện tập 6 HS được củng cố kiến thức chia hết của 1 tích. | **d) Áp dụng:****VD 7:** a) Ta thấy 49 chia hết cho 7 nên tích  chia hết cho 7b) Ta thấy 65 chia hết cho 13 nên tích  chia hết cho 13**Luyện tập 6:**36 chia hết cho 6 nên  chia hết cho 624 chia hết cho 6 nên  chia hết cho 654 chia hết cho 6 nên  chia hết cho 6Suy ra A chia hết cho 6 |

**Tiết 3:**

**3. Hoạt động luyện tập** (khoảng 37 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết: chia hết cho ước bội, biết dùng kí hiệu chia hết, không chia hết. Biết kiểm tra 1 số có chia hết cho 1 số hay không. Biết tìm bội, ước của 1 số cho trước. Nắm được tính chất chia hết của 1 tổng, một hiệu, 1 tích và vận dụng vào các bài toán thực tế đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 3; 4 SGK trang 34 và từ .

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 3; 4 SGK trang 34 và từ 6 đến 9 trang 34 SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**- Nêu khái niệm về quan hệ chia hết?- Nêu quy tắc tìm bội và ước của 1 số?**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu 1 HS lên bảng viết khái niệm quan hệ chia hết.1 Hs nên viết quy tắc tìm bội của 1 số.1 HS nên viết quy tắc tìm ước của 1 số.. Cả lớp quan sát và nhận xét**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **3. Luyện tập**- Cho hai số tự nhiên a và b (b 0).Nếu có 1 số tự nhiên q sao cho  thì ta nói a chia hết cho b.Khi a chia hết cho b, ta nói a là bội của b và b là ước của a- Để tìm các bội của n(n N\*) ta có thể lần lượt nhân n với 0; 1; 2; 3;... Khi đó, các kết quả nhận được đề là bội của n.- Để tìm các ước của số tự nhiên n lớn hơn 1, ta có thể chia n cho các số tự nhiên từ 1 đến n. Khi đó, các phép chia hết cho ta số chia là ước của n. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:** - Bài tập 3 SGK trang 34 - Bài 58 SBT trang 22**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm 4.- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 58: a) Kiểm tra số nào mà 49 chia hết.b) Liệt kê các ước của 115. Tìm ước lớn hơn 10.c) Tìm bội các bội của 15 chọn bội từ 100 đến 200**\* Báo cáo, thảo luận 1:**GV yêu cầu lần lượt: 1 HS đại diện nhóm lên bảng làm bài tập 4;5 Cả lớp quan sát và nhận xét**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 1 : Tìm bội và ước của 1 số:****Bài tập 3 SGK trang 34**Các bội của 9 là: 0; 9; 18; 27; 36; 45;…Vì  Nên  **Bài 58 SBT trang 22**a) Các số là ước của 49 là:  b) Các ước của 115 lớn hơn 10 là:  c) bội của 15 lớn hơn 100 nhỏ hơn 200 là:  |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**- Bài tập 4 SGK trang 34**\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**- HS thực hiện yêu cầu trên theo nhóm 4.Bài 4: để giúp cô chia đội ra thành các nhóm ta nên dùng ước hay bội?Để tìm ước của 1 số ta làm thế nào?**\* Báo cáo, thảo luận 3:**- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 3:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS | **Dạng 2: Một số bài toán thực tế về sử dụng ước bội.****Bài tập 4 SGK trang 34**Vì cô giáo muốn chia 24 bạn thành các nhóm có số học sinh như nhau và có ít nhất 2 HS nên:Số học sinh là ước của 24Vậy 1 nhóm có thể có số học sinh là:2; 3; 4; 6; 8; 12; 24- Nhóm 2 học sinh có  nhóm- Nhóm 3 học sinh có  nhóm- Nhóm 4 học sinh có  nhóm- Nhóm 6 học sinh có  nhóm- Nhóm 8 học sinh có  nhóm- Nhóm 12 học sinh có  nhóm- Nhóm 24 học sinh có  nhóm |

**Tiết 4:**

**3. Hoạt động luyện tập** (khoảng 37 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được khái niệm cơ bản về quan hệ chia hết: chia hết cho ước bội, biết dùng kí hiệu chia hết, không chia hết. Biết kiểm tra 1 số có chia hết cho 1 số hay không. Biết tìm bội, ước của 1 số cho trước. Nắm được tính chất chia hết của 1 tổng, một hiệu, 1 tích và vận dụng vào các bài toán thực tế đơn giản.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 3, 4 SGK trang 34 và từ 6 đến 9 trang 34 SGK.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 3, 4 SGK trang 34 và từ 6 đến 9 trang 34 SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**- Nêu tích chất chia hết của 1 tổng, 1 tích, 1 hiệu?**\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**- HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.**\* Báo cáo, thảo luận 1:**- GV yêu cầu vài HS phát biểu tính chất chia hết của 1 tổng, 1 hiệu, 1 tích. Cả lớp quan sát và nhận xét**\* Kết luận, nhận định 1:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **4. Luyện tập**- Nếu  và  thì .Khi đó ta có:  - Với .Nếu  và  thì .Khi đó ta có:  - Nếu  thì  với mọi số tự nhiên b. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**- Hoạt động nhóm 4 làm bài tập 6,7 SGK trang 34. **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**- HS thực hiện các yêu cầu trên.- Hướng dẫn, hỗ trợ bài 7: Áp dụng tính chất chia hết của 1 hiệu.**\* Báo cáo, thảo luận 2:**- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 2:** - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS.- Nếu tổng hai số chia hết cho m và 1 trong hai số hạng của tổng chia hết cho m thì số hạng còn lại cũng chia hết cho m. | **Dạng 3 : Kiểm tra tính chất chia hết.****Bài tập 6 SGK trang 34**HS tự cho VDVD  không chia hết cho 8  không chia hết cho 8Nhưng  chia hết cho8**Bài tập 7 SGK trang 34** Suy ra   Hay   |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 3:**- Làm bài tập 8,9 SGK trang 34.**\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**- HS thực hiện yêu cầu trên theo nhóm 4.- Hướng dẫn, hỗ trợ: Đọc kĩ đề bài vận dụng vào tính chất chia hết của tổng hiệu và khái niệm chia hết để làm.**\* Báo cáo, thảo luận 3:**- GV yêu cầu đại diện 2 nhóm có kết quả nhanh nhất lên bảng trình bày.- Cả lớp quan sát và nhận xét.**\* Kết luận, nhận định 3:** - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS | **Dạng 4: Một số bài toán thực tế.****Bài tập 8 SGK trang 34**Ta có Số bánh làm được từ khay thứ 1 là . Số bánh làm được từ khay thứ 2 là . Tổng số bánh 2 khay là .Mà  nên người bán hàng đếm sai số bánh sai.**Bài tập 9 SGK trang 34**Gọi số khách du lịch là aTa có .Số khách du lịch chuyển đi  Vậy số khách còn lại là  chia hết cho 5 Mà  nên hướng dẫn viên đếm số khách sai. |

**4. Hoạt động vận dụng** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học về quan hệ chia hết và tính chất chia hết để xác định, giải thích rõ được những khái niệm sử dụng hàng ngày.

**b) Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà:

- Quy tắc tìm bội ước của 1 số, tính chất chia hết của 1 tổng hiệu tích.

- Chuẩn bị giờ sau: các em hãy ôn lại dấu hiệu chia hết cho 2, 5 đã học ở Tiểu học và đọc trước nội dung bài 8 – Dấu hiệu chia hết cho 2,cho 5, SGK trang 35.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân.

**Bài tập về nhà:**

Bài 1 Chọn câu đúng:

1.  chia hết cho 10
2.  không chia hết cho 5
3.  không chia hết cho 11.

Bài 2 Không thực hiện phép tính, cho biết  có chia hết cho 3, cho 4 hay không?

Bài 3

1. Tìm bội của 13, 17 là các số nhỏ hơn 50.
2. Tìm ước của 28, 60.

Bài 61; 62; 63 sách bài tập trang 20; 21.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ như mục Nội dung** (khoảng 2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ** tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.